

Số: /VP-TTHC

Quảng Ngãi, ngày tháng 8 năm 2024

V/v phối hợp góp ý, đề xuất sửa đổi, bổ sung Đề án xác định Chỉ số cải cách hành chính cấp tỉnh

Kính gửi: Sở Nội vụ

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Công văn số 4165/UBND-TTHC ngày 05/8/2024 về triển khai góp ý, đề xuất sửa đổi, bổ sung Đề án xác định Chỉ số cải cách hành chính; Văn phòng UBND tỉnh phối hợp tham gia góp ý sửa đổi, bổ sung Đề án xác định Chỉ số cải cách hành chính cấp tỉnh, cụ thể như sau:

1. Về phương pháp đánh giá: Phù hợp, không cần điều chỉnh.

2. Về nội dung các tiêu chí, tiêu chí thành phần, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo kiểm tra, bổ sung tiêu chí thành phần mới, cụ thể:

a) Tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến được thông báo tiếp nhận chính thức hoặc yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ cho tổ chức, cá nhân không muộn hơn tám giờ làm việc kể từ khi hệ thống tiếp nhận vào lĩnh vực cải cách thủ tục hành chính (TTHC).

- Lý do:

+ Khoản 2 Điều 17, Điều 18 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC (đã được sửa đổi, bổ sung Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ) và khoản 4 Điều 11 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử: Nếu quá 01 ngày làm việc (08 giờ làm việc) mà hồ sơ trực tuyến không được tiếp nhận thì được tính là chậm được tiếp nhận theo quy định.

+ Hồ sơ trực tuyến ở trạng thái chờ tiếp nhận, gồm 02 trạng thái: (1) Mới đăng ký - chờ tiếp nhận; (2) Đã bổ sung hồ sơ - chờ tiếp nhận trên Hệ thống.

- Phương pháp định lượng: So sánh số hồ sơ trực tuyến tiếp nhận đúng hạn theo quy định với số lượng hồ sơ trực tuyến được tiếp nhận trong năm.

- Các thức chấm điểm:

+ Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến được tiếp nhận đúng hạn theo quy định: $(b/a) * 0.50$.

+ Trường hợp tỷ lệ $b/a < 0.95$ thì điểm đánh giá là 0.

Trong đó:

a là tổng số hồ sơ trực tuyến được tiếp nhận trong năm.

b là số hồ sơ trực tuyến được tiếp nhận đúng hạn trong năm.

- Thang điểm: Đề xuất 0,50 điểm.

- Tài liệu làm căn cứ đánh giá: Kết quả kiểm tra trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh và Cổng dịch vụ công quốc gia và Bộ, ngành liên quan; kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng Chính phủ.

b) Tỷ lệ hồ sơ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa vào lĩnh vực xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số.

- Lý do:

+ Theo quy định Nghị định số 61/2018/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung); Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử và Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử quy định thực hiện việc tái sử dụng kết quả số hóa trong giải quyết TTHC.

+ Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 05/01/2024 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh Quốc gia năm 2024 yêu cầu tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa đạt tối thiểu 50% tại địa phương.

- Phương pháp định lượng: So sánh số hồ sơ TTHC có sử dụng lại thông tin, dữ liệu, giấy tờ điện tử đã được số hóa với số lượng hồ sơ tiếp nhận có thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC.

- Các thức chấm điểm: Tỷ lệ hồ sơ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa: Từ 50% trở lên: 0.50; dưới 50%: (Tỷ lệ x 0.50/50%). Trong đó:

+ a là tổng số hồ sơ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết có thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC.

+ b là tổng số hồ sơ TTHC có sử dụng lại thông tin, dữ liệu, giấy tờ điện tử đã được số hóa.

- Thang điểm: Đề xuất 0,50 điểm.

- Tài liệu làm căn cứ đánh giá: Kết quả kiểm tra trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh và Cổng dịch vụ công quốc gia và Bộ, ngành liên quan; kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng Chính phủ.

c) Tỷ lệ hồ sơ có phát sinh dịch vụ công trực tuyến một phần vào lĩnh vực xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số.

- Lý do: Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên môi trường mạng, Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ yêu cầu cơ quan nhà nước cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo 02 mức độ: Dịch vụ công trực tuyến toàn trình; Dịch vụ công trực tuyến một phần.

- Phương pháp định lượng: So sánh số lượng hồ sơ trực tuyến một phần với tổng số lượng hồ sơ tiếp nhận thuộc thẩm quyền giải quyết được triển khai thực hiện dịch vụ công trực tuyến một phần.

- Các thức chấm điểm:

+ Thống kê số lượng hồ sơ phát sinh của dịch vụ công trực tuyến một phần thuộc thẩm quyền giải quyết được triển khai thực hiện trên các Hệ thống (Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh và các Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của Bộ, ngành có liên quan); tổng số lượng hồ sơ tiếp nhận (trực tuyến, không trực tuyến) của dịch vụ công trực tuyến một phần.

+ Tỷ lệ hồ sơ có phát sinh dịch vụ công trực tuyến một phần: (b/a); trong đó:

a là tổng số hồ sơ tiếp nhận trong năm của dịch vụ công trực tuyến một phần có phát sinh hồ sơ (gồm cả tiếp nhận trực tuyến và không trực tuyến).

b là số hồ sơ trực tuyến của dịch vụ công trực tuyến một phần.

- Thang điểm: Đề xuất 0,50 điểm.

- Tài liệu làm căn cứ đánh giá: Báo cáo kết quả kiểm tra trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh và Cổng dịch vụ công quốc gia và Bộ, ngành liên quan; kết quả theo dõi, đánh giá của Văn phòng Chính phủ.

Kính gửi Sở Nội vụ nghiên cứu, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: CVP, PCVP, NC;
- Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, TTHC.

**KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**

Nguyễn Phước Bình